TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Rở
2. Ông Mai văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa : Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 398/2023/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2023/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2023; giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Ông Thúy N, sinh năm: 1989 (có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn:* Anh Hồ Quôc S (Sĩ), sinh năm: 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ông Thúy N trình bày: chị và anh Hồ Quốc S được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần sau đó mâu thuẫn phát sinh, thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên ghen tuông và đánh đập chị. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị cũng đã cố chịu đựng vì con nhưng không mang lại kết quả nên chị đã ly thân anh S từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy chị và anh S không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Về con chung, chị và anh S có một con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012. Hiện cháu Ý đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng xét theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Hồ Quốc Sĩ không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị N.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ông Thúy N và anh Hồ Quốc S được gia đình cha mẹ hai bên mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp. Chị N cho rằng giữa chị và anh S mâu thuẫn thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung, anh S không có quan tâm đến vợ con. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh S cũng không có liên hệ chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N ly hôn anh S.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh S có một con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012. Chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Ý, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Xét yêu cầu trên của chị N trên cơ sở ý kiến của cháu Ý, cháu Ý có ý kiến được sống với chị N và hiện tại con đang sống với chị N. Anh S không có ý kiến phản đối cho rằng chị N không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét giao con chung Hồ Như Ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh S cũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Ông Thúy N khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung với anh Hồ Quốc S nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh S với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Hồ Quốc S có nơi cư trú tại xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S nhưng không thực hiện được do anh S không có mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật nhằm thông tin nội dung vụ kiện, các yêu cầu của chị N để anh S biết và có ý kiến phản hồi nhưng anh S vắng mặt qua các lần công khai

chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ông Thúy N và anh Hồ Quốc S tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được chị N xác định trong quá trình khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án. Riêng anh S không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh S không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị N là do chị và anh S thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung giữa vợ chồng, anh S hay ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực đối với chị. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu quan tâm lẫn nhau. Hiện tại giữa chị N và anh S đã không còn chung sống vợ chồng nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của chị N và anh S không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị N khởi kiện, anh S cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh để hòa giải nhưng anh vắng mặt. Xét thấy, chị N và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn anh S.

[2.2] Về con chung: Chị N xác định chị và anh S có một con chung tên Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012. Hiện con đang sống với chị N. Anh S không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị N cung cấp là giấy khai sinh của cháu Ý, đã xác định cháu Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012 là con chung của chị N và anh S. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng xét theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Ý sống với chị N, cháu vẫn phát triển tốt, anh S cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị N về quyền nuôi con. Tại bản khai, cháu Ý có ý kiến được tiếp tục sống cùng với chị N. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Sĩ không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008218 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ông Thúy N được ly hôn với anh Hồ Quốc S.

2. Về con chung: Xử giao con chung Hồ Như Ý, sinh ngày 21/9/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo nguyện vọng của cháu Ý được sống với chị N). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh S có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị N phải chịu nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008218 ngày 12/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHA huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương